

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/HS-ST
Ngày 26 - 9 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Khuê;

Bà Nguyễn Thị L Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - P.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - P tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - P xét xử kín đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2025, đối với bị cáo:

Đinh Thành T, S ngày 20 tháng 11 năm 2006, tại P. Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn T (đã chết) và bà Vũ Thị H; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30 tháng 7 năm 2025; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thùy D - Luật sư Văn phòng Luật sư V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng N; có mặt.

- Bị hại: Châu Đỗ Đoàn S, S ngày 21 tháng 6 năm 2010; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường Đ, thành phố P; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Anh Đỗ Văn C, S năm 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố Quyết Thành, phường Đ, thành phố P và chị Đoàn Thị L, S năm 1990; nơi ĐKKTT: Thôn Lg Đoàn, xã T, tỉnh Y; là bố, mẹ đẻ của bị hại; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- Đại diện Ban giám hiệu trường Cao Đẳng VMU, thành phố P; địa chỉ: Số

211 T, phường H, thành phố P (Khu giảng đường D: Số 246A Đ, phường Q, thành phố P); vắng mặt.

- Đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phường Đ, thành phố P; vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Cháu Bùi Thị Bảo V (người đại diện hợp pháp: Chị Đỗ Thị V1); cháu Bùi Thị Hương G (người đại diện hợp pháp: Hoàng Thị M); cháu Lê Đình S (người đại diện hợp pháp: Anh Lê Đình H); cháu Vũ Thị Ngọc P (người đại diện hợp pháp: Chị Đình Thị L); cháu Vũ Thanh H (người đại diện hợp pháp: Anh Vũ Văn T); cháu Nguyễn Anh Hùng D (người đại diện hợp pháp: Nguyễn Thanh P); cháu Bùi Thế Long (người đại diện hợp pháp: Chị Bùi Thị T); cháu Trịnh Văn H (người đại diện hợp pháp: Chị Tống Thị N); cháu Bùi Thị Ngọc T (người đại diện hợp pháp: Chị Hoàng Thị M); cháu Bùi Minh Q (người đại diện hợp pháp: Chị Nguyễn Thị H); cháu Bùi Thị Thùy D (người đại diện hợp pháp: Anh Bùi Văn D); đều có mặt;

+ Cháu Tạ Duy T (người đại diện hợp pháp: Anh Tạ Duy C); cháu Nguyễn Quang L (người đại diện hợp pháp: Anh Nguyễn Quang C); cháu Đỗ Thị Huyền T (người đại diện hợp pháp: Chị Lê Thị H); cháu Bùi Hương G (người đại diện hợp pháp: Chị Nguyễn Thị B); Cháu Nguyễn Thị Kim A (người đại diện hợp pháp: Chị Đoàn Lệ T); cháu Bùi Thế L (người đại diện hợp pháp: Chị Bùi Thị T); cháu Lê Nguyễn Ngân H (người đại diện hợp pháp: Nguyễn Thị Thủy N); cháu Lê Thị Như Y (người đại diện hợp pháp: Anh Lê Quý V); cháu Đoàn Thị Khánh C (người đại diện hợp pháp: Chị Đoàn Thị L); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/8/2024, Công an thị trấn M, huyện N (nay là Công an phường Đ), thành phố P nhận được đơn trình báo của chị Đoàn Thị L, S năm 1990, đăng ký thường trú: Thôn Quang Lg Đoàn, xã Thụy Hải, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là xã T, tỉnh Y) về việc con gái chị L là cháu Đỗ Đoàn S, S ngày 21/6/2010 (14 tuổi 02 tháng 06 ngày bị Đình Thành T xâm hại tình dục và phát tán video ghi lại hình ảnh nhạy cảm của cháu San. Chị L giao nộp 01 USB chứa 02 đoạn video ghi lại hình ảnh nhạy cảm của cháu San bị T phát tán trên mạng xã hội.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng tháng 10/2023, Đình Thành T quen biết và có quan hệ tình cảm với cháu Đỗ Đoàn S. Từ tháng 01/2024 đến tháng 5/2024, T và cháu San có quan hệ tình dục với nhau nhiều lần tại quán bán gà nướng nơi T làm việc tại tổ dân phố Quyết Thành, phường Đ, P và nhà của T ở tổ dân phố Đ, phường Đ, P. T đã sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V2109 để quay lại video quan hệ tình dục giữa T và cháu San. Ngoài ra, có lần T và cháu San gọi

"video call" thì cháu San vén áo để lộ ngực và bộ phận S dục cho T xem, T đã sử dụng phần mềm "Ghi màn hình" của điện thoại quay lại.

Đến tháng 7/2024, T phát hiện cháu San có quan hệ tình cảm với người khác nên đe dọa cháu San nếu không chấm dứt quan hệ tình cảm với người khác thì T sẽ phát tán video, hình ảnh nhạy cảm của cháu San cho người thân, bạn bè của cháu San biết. Do bức tức vì cháu San không thực hiện theo yêu cầu của T nên T dùng phần mềm "Ghi màn hình" của điện thoại để quay, cắt ngắn video quan hệ tình dục, video cuộc gọi với cháu San và sử dụng tính năng "Chụp ảnh màn hình" chụp lại hình ảnh trong video cuộc gọi trên (hình ảnh cuộc gọi).

Sau đó, T sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook "Huyền Trangg Ng" (là tài khoản của cháu San cho T sử dụng chung) gửi: 01 video quan hệ tình dục, 01 video cuộc gọi cho các tài khoản "L Doanthi", "Sansan Đodoan" của Đỗ Đoàn S và những người bạn quen biết, học cùng trường, cùng lớp của cháu San; cụ thể T đã gửi cho: Lê Đình S, S ngày 15/5/2010; Vũ Thị Ngọc P, S ngày 09/9/2010; Nguyễn Quang Lộc, S ngày 08/4/2010. Ngoài ra, T sử dụng tài khoản Facebook "T Ruồi" của T gửi 01 video quan hệ tình dục, 01 video cuộc gọi cho tài khoản "Đoàn Thị L" của chị Đoàn Thị L là mẹ đẻ của Đỗ Đoàn S và gửi cho những người bạn quen biết, học cùng cháu San; gồm: Bùi Thị Hương G, S ngày 02/6/2010; Bùi Thị Thảo V, S ngày 20/11/2010; Tạ Duy Tài, S ngày 26/10/2009; Vũ Thanh H, S ngày 05/4/2010; Đỗ Thị Huyền Trang, S ngày 18/6/2010; Nguyễn Thị Kim Ánh, S ngày 15/01/2011; Bùi Hương G, S ngày 24/02/2010. Sau khi gửi các video, hình ảnh cho người thân, bạn bè của San, T thu hồi nội dung tin nhắn đã gửi, xóa các video, hình ảnh quan hệ tình dục, cuộc gọi trong điện thoại.

Sau khi nhận được video, hình ảnh nhạy cảm của San, Bùi Thị Hương G gửi 01 video quan hệ tình dục cho Bùi Thế Long, S ngày 07/5/2010. Long gửi video trên cho Nguyễn Anh Hùng D, S ngày 06/01/2010. D gửi video trên Trịnh Văn Hùng, S ngày 04/01/2010. Long, D và Hùng là bạn học cùng lớp với San.

Khoảng tháng 8 năm 2024, quá trình sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook "Wit Natt", Lê Nguyễn Ngân Hà, S ngày 16/01/2012 được một tài khoản mạng xã hội Facebook (không quen biết) gửi cho 01 video quan hệ tình dục mà Đinh Thành T đã phát tán trên mạng xã hội facebook. Sau đó, Hà gửi video này cho Lê Thị Như Ý, S ngày 21/02/2012. Như Ý tiếp tục gửi cho Bùi Minh Quân, S ngày 11/02/2011 và Bùi Thị Ngọc Trâm, S ngày 11/02/2011. Quân gửi cho Bùi Thị Thuỳ Dương, S ngày 13/10/2011. Trâm gửi cho Đoàn Thị Khánh Chi, S ngày 25/01/2011 là em họ của San. Chi báo sự việc và gửi video trên cho mẹ của San là chị Đoàn Thị L. Hà, Ý, Quân, Trâm, Dương là học S cùng trường với cháu San.

Tại Bản kết luận giám định xâm hại tình dục ở trẻ em nữ số 777/2024/KLXHTE-TTPYHP ngày 30/10/2024 của T tâm pháp y P kết luận: Không có dấu vết, thương tích trên cơ thể Đỗ Đoàn S. Không thấy dấu vết, thương tích bên ngoài và bên trong cơ quan S dục. Màng trinh giãn rộng, không có vết rách cũ và mới.

Không tìm thấy xác tinh trùng trong mẫu xét nghiệm. Hiện tại, Đỗ Đoàn S không có thai.

Tại Bản kết luận giám định số 3204/KL-KTHS ngày 24/10/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố P kết luận: Không đủ cơ sở để xác định 02 (hai) tập tin video có phần mở rộng "MP4" tổng dung lượng 2,93 MB được lưu trong USB nhãn hiệu Hoco 4GB đã qua sử dụng có bị cắt ghép, chỉnh sửa hay không do nội dung hình ảnh được ghi nhận lại trên thiết bị khác không đảm bảo tính toàn vẹn và xác thực.

Tại Bản kết luận giám định ngày 11/12/2024 của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố P kết luận: 02 (hai) tập tin video có phần mở rộng "MP4" tổng dung lượng 2,93 MB được lưu trong USB nhãn hiệu Hoco 4GB đã qua sử dụng có 01 tập tin "vụ san 15" (video cuộc gọi) là clip có nội dung khiêu dâm và 01 tập tin "vụ san16" (video quan hệ tình dục) là clip có nội dung đồi trụy theo quy định của pháp luật.

Tại Công văn số 2574/SVHTTDL-QLVH ngày 07/7/2025 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thành phố P trả lời: Đối với hình ảnh được trích xuất từ tập tin “vụ san 15”, trong trường hợp hình ảnh vừa nêu tách biệt, không nằm trong tình huống, hoàn cảnh cụ thể là không đủ căn cứ để xác định hình ảnh có nội dung khiêu dâm, đồi trụy.

Tiến hành trích xuất 01 hình ảnh từ tập tin "vụ san 15" và 01 hình ảnh từ tập tin "vụ san 16" được Đình Thành T và những người nhận được video, hình ảnh nhạy cảm của San xác nhận là hình ảnh trong video, hình ảnh đã nhận được.

Tại Bản kết luận giám định số: 3614/KL-KTHS ngày 02/12/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố P, kết luận: Trong điện thoại di động nhãn hiệu VIVO có số IMEI 1: 860993057607918, IMEI 2: 860993057607900: Trích xuất thông tin 152 cuộc trò chuyện của tài khoản facebook “T Ruồi” (ID: 100055540359169) và 31 cuộc trò chuyện của tài khoản facebook “Huyền Trang Ng” (ID: 100077194434590) trong khoảng thời gian từ tháng 6/2024 đến hết tháng 7/2024). Trích xuất 75091 tập tin hình ảnh, 1674 tập tin video. SIM in dãy số 8984048000074565518 có số ICCID: 8984012108921269456 không tìm thấy nội dung L quan; SIM in dãy số 8984048000074565518 có số ICCID: 89840480000745655185 không tìm thấy nội dung L quan.

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh, kiểu máy V2109; số seri 3418978587001QL; số IMEI 1: 860993057607918, IMEI 2: 860993057607900 chuyển Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - P.

Về dân sự: Bị can Đình Thành T đã bồi thường số tiền 30.000.000 đồng theo yêu cầu của cháu Đỗ Đoàn S và người đại diện là chị Đoàn Thị L. Cháu San và chị L không yêu cầu, đề nghị gì khác đối với bị cáo T.

Tại bản Cáo trạng số 136/CT-VKS ngày 08/9/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - P truy tố bị cáo Đình Thành T về tội “Làm nhục người khác” theo các điểm a, e khoản 2 Điều 155 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Đinh Thành T khai nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - P truy tố; mục đích bị cáo phát tán các video, hình ảnh như nêu trên là vì ghen tức khi bị hại có tình cảm với người khác nên bị cáo đã phát tán các video, hình ảnh để sỉ nhục, hạ thấp danh dự của bị hại, buộc bị hại nổi lại tình cảm với bị cáo T.

Bị hại là cháu Đỗ Đoàn S và người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại đã có ý kiến trình bày và quan điểm tại các giai đoạn tố tụng thể hiện việc bị cáo T gửi các video, hình ảnh cho bạn bè, người thân khiến cháu bị xấu hổ, xúc phạm, nhục nhã không dám đi học và phải chuyển sang trường khác để tiếp tục học. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại xác nhận bị cáo đã bồi thường 30.000.000 đồng; đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Những người làm chứng và người đại diện hợp pháp của người làm chứng có mặt tại phiên tòa giữ nguyên lời khai như tại cơ quan điều tra, thể hiện một số người làm chứng đã có hành vi chia sẻ video nhạy cảm của cháu San; tuy nhiên, các cháu đều trình bày việc chia sẻ video, hình ảnh không nhằm mục đích để xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cháu San và ngay sau đó tất cả các cháu đều đã xóa các video, hình ảnh nhạy cảm này. Những người làm chứng và người đại diện hợp pháp của người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa đã được công bố lời khai có trong hồ sơ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - P giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 155; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Điều 12, Điều 115 và Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt bị cáo Đinh Thành T mức án tù 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Làm nhục người khác”. Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, mặt lưng màu xanh, kiểu máy V2109; số seri 3418978587001QL; số IMEI 1: 860993057607918, IMEI 2: 860993057607900. Bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Người bào chữa trình bày ý kiến quan điểm bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo và tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức pháp luật hạn chế. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất có thể để bị cáo có cơ hội sớm trở về hòa nhập xã hội, làm công dân tốt. Ngoài ra, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội lần đầu” đối với bị cáo theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo nhất trí ý kiến của những người bào chữa, không tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Sau khi kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt, tạo điều kiện để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về nhận định các tình tiết của vụ án:

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa thống nhất và phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, các bản kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, khẳng định: Khoảng từ cuối tháng 7 năm 2024 đến tháng 8 năm 2024, bị cáo Đinh Thành T đã có hành vi sử dụng mạng internet gửi các video, hình ảnh nhạy cảm của bị hại là cháu Đỗ Đoàn S cho bạn bè, người thân của cháu bị hại nhằm mục đích xúc phạm nhân phẩm, danh dự của bị hại. Như vậy, hành vi của bị cáo Đinh Thành T đã cấu thành phạm tội “Làm nhục người khác” quy định tại Điều 155 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về định khung hình phạt: Bị cáo Đinh Thành T đã trên 02 lần (12 lần) thực hiện hành vi sử dụng mạng Internet để gửi video, hình ảnh nhạy cảm của cháu Đỗ Đoàn S. Vì vậy, bị cáo Đinh Thành T phải chịu các tình tiết định khung hình phạt “Phạm tội hai lần trở lên”, “Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, P tiện điện tử để phạm tội” theo các điểm a, e khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng nH hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến khách thể trực tiếp là nhân phẩm, danh dự của người khác nên cần thiết phải xét xử nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đối với bị hại tại thời điểm bị hại 14 tuổi 02 tháng 06 ngày. Vì vậy, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm

hình sự “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện bồi thường bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, mặt lưng màu xanh, kiểu máy V2109; số seri 3418978587001QL; số IMEI 1: 860993057607918, IMEI 2: 860993057607900 là P tiện bị cáo sử dụng để phạm tội, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước theo điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Tại phiên tòa, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu” đối với bị cáo theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét, mặc dù đây là lần phạm tội đầu tiên của bị cáo nH bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp và nhiều lần. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu” đối với bị cáo Đinh Thành T.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường bị hại; bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Đinh Thành T cho đến khi bắt bị cáo đi chấp hành án.

[10] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điểm e, a khoản 2 Điều 155; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Điều 12, Điều 115 và Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên.

Tuyên bố: Bị cáo Đinh Thành T phạm tội "Làm nhục người khác".

Xử phạt bị cáo Đinh Thành T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, mặt lưng màu xanh, kiểu máy V2109; số seri 3418978587001QL; số IMEI 1: 860993057607918, IMEI 2: 860993057607900. (Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/9/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - P).

- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Đinh Thành T cho đến khi bắt bị cáo đi thi hành án.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Đinh Thành T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo Đinh Thành T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố P;
- VKSND Khu vực 1-P;
- VKSND thành phố P;
- Cơ quan CSĐT Công an P;
- Cơ quan THAHS Công an P;
- PV06 Công an TP P;
- Trại Tạm giam số 1 Công an P;
- Phòng THSDA Khu vực 1-P;
- Sở Tư pháp thành phố P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hải Yến

Trần Thị Hải Yến